

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1109/SKHĐT-THKTKG

Trà Vinh, ngày 30 tháng 7 năm 2020

V/v phối hợp cung cấp số liệu
xây dựng Kế hoạch hỗ trợ DNNVV
năm 2021 - 2025

Kính gửi: Các Sở, Ban ngành tỉnh

Trong năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức *tổng kết kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2018-2020* tại Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh và xây dựng *Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025*, làm cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển doanh nghiệp để chỉ đạo, điều hành, xây dựng các Nghị quyết, cơ chế, chính sách phù hợp để hỗ trợ cho doanh nghiệp trên địa bàn trong thời gian tới.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch đạt được chất lượng và hiệu quả, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý cơ quan cung cấp số liệu có liên quan thuộc lĩnh vực phụ trách (*theo bảng kèm theo*). Nội dung cung cấp gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất đến **hết ngày 15/8/2020** (*đính kèm file mềm qua địa chỉ email: skhdt@travinh.gov.vn*).

Sở Kế hoạch và Đầu tư rất mong sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu, VT, THKTKG.04

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lâm Hữu Phúc



**CÁC SỐ LIỆU CẦN TỪ CÁC CƠ QUAN CỦA TỈNH ĐỂ XÂY DỰNG
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DNNVV TỈNH TRÀ VINH 2021-2025**
(Đính kèm theo Công văn số **1109** /SKHĐT-THKTKG ngày **30/7/2020**
của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Bảng 1. Tình hình chung
(Cục Thống kê, Phòng Đăng ký kinh doanh)

	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019
1	Số lượng DN đăng ký thành lập mới (DN)				
2	Vốn đăng ký bq/DN (tỷ đồng)				
4	Lao động bq/DN				
4	Doanh nghiệp chung của tỉnh				
4.1	Vốn SXKD bq/DN (tỷ đồng)				
4.2	Doanh thu bq/DN/năm (tỷ đồng)				
4.3	Lao động bq/DN (người/DN)				
5	DNNVV				
5.1	Vốn SXKD bq/DNNVV (tỷ đồng)				
5.2	Doanh thu bq/DNNVV/ năm (tỷ đồng)				
5.3	Lao động bq/DNNVV (người/DN)				
5.4	Nguồn vốn của DNNVV				
5.5	TSCĐ và Đầu tư dài hạn của DNNVV				
5.6	Doanh thu thuần của DNNVV				
5.7	Lợi nhuận trước thuế DNNVV				
5.8	Tỷ lệ DN kinh doanh có lãi DNNVV				
5.9	Tổng vốn đầu tư của DNNVV (tỷ đồng)				
5.10	Đóng góp của DNNVV vào ngân sách tỉnh (tỷ đồng)				
5.11	Đóng góp của DNNVV vào GDP của tỉnh (tỷ đồng)				

Bảng 2. Đóng góp của DNNVV vào GDP việc làm, xuất khẩu và ngân sách
(Cục Thống kê)

No	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2017	2018	2019
1	Số DNNVV	DN			
	Do nữ làm chủ	DN			
	Do người DTTS làm chủ	DN			
2	Vốn đăng ký bình quân	Tỷ VNĐ			
3	Số việc làm mới được tạo ra hàng năm	Người			
	Nữ	%			
	Người DTTS	%			

4	<i>Xuất khẩu của DNNVV</i>				
	Tuyệt đối	Triệu USD			
	Tỷ trọng	%			
5	<i>Đóng góp của DNNVV</i>	Tỷ đồng			
	Vào GDP của tỉnh	%			
	Vào thu ngân sách của tỉnh	%			
6	<i>Du lịch</i>				
	Tổng số	Ngàn lượt			
	Khách quốc tế	Ngàn lượt			
	Doanh thu du lịch	Tỷ VND			
	Cơ sở lưu trú	Cơ sở			
	Trong đó du lịch cộng đồng và homestay	Cơ sở			

Bảng 3. DNNVV phân chia theo loại hình, giới tính và dân tộc
(Cục Thống kê, Phòng Đăng ký kinh doanh)

Đvt: Doanh nghiệp

	Tổng	Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2TV	Công ty cổ phần	Công ty hợp danh	DN tư nhân
Năm 2017						
Tổng số DNNVV						
Nữ làm chủ						
Dân tộc Kinh						
Dân tộc Hoa						
Dân tộc Khmer						
Năm 2018						
Tổng số DNNVV						
Nữ làm chủ						
Dân tộc Kinh						
Dân tộc Hoa						
Dân tộc Khmer						
Năm 2019						
Tổng số DNNVV						
Nữ làm chủ						
Dân tộc Kinh						
Dân tộc Hoa						
Dân tộc Khmer						

Bảng 4. Phân chia theo loại hình vốn và lao động (Đvt: Doanh nghiệp)
(Phòng Đăng ký kinh doanh)

	Tổng	Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2TV	Công ty cổ phần	Công ty hợp danh	DN tư nhân
Năm 2017						
Tổng số DNNVV (DN)						
Vốn (tỷ .đ)						
Lao động (người)						
Năm 2018						
Tổng số DNNVV (DN)						
Vốn (tỷ .đ)						
Lao động (người)						
Năm 2019						
Tổng số DNNVV (DN)						
Vốn (tỷ .đ)						
Lao động (người)						

Bảng 5. Số lượng DNNVV phân chia theo lĩnh vực qua các năm
(Cục Thống kê, Phòng Đăng ký kinh doanh)

TT	Lĩnh vực	2016	2017	2018	2019
1	Nông nghiệp				
2	Công nghiệp – Xây dựng				
3	Thương mại – Dịch vụ				
	Tổng				

Bảng 6. Tình hình lao động trong các DNNVV qua các năm
(Cục Thống kê)

Năm	Nông lâm Thủy sản		Công nghiệp Xây dựng		Thương mại Dịch vụ		Tổng cộng	
	DN (số DN)	LĐ (người)	DN (số DN)	LĐ (người)	DN (số DN)	LĐ (người)	DN (số DN)	LĐ (người)
2017								
2018								
2019								